

CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ THỂ THAO TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

SPORT MANAGEMENT PROGRAM IN THE WORLD AND VIET NAM

TÓM TẮT: Mục đích của nghiên cứu này là đánh giá chương trình đại học về quản lý thể thao để (1) cung cấp một cái nhìn tổng quan về sự phát triển và hình thành của chương trình đại học quản lý thể thao, (2) hỗ trợ các nhà quản lý và quản trị thể thao trong việc phát triển chương trình quản lý thể thao, (3) phát triển một chương trình quản lý thể thao mới (4) cung cấp thông tin tuyển sinh cho học sinh trung học có mong muốn theo đuổi bậc học cao hơn về quản lý thể thao tại Việt Nam.

TỪ KHÓA: Chương trình đại học, đánh giá, quản lý thể thao, trên thế giới

ABSTRACT: The purpose of this study is to evaluate undergraduate programs in sport management in order to (1) provide an overview of the development of sport management undergraduate programs, (2) assist sport administrators and managers in further developing sport management programs, (3) develop new sport management programs, and (4) offer admission information for high school students who desire to pursue higher education in sport management in Viet Nam.

KEYWORDS: Undergraduate program, Assess, Sport management, in the world.

**PHAN DANH NA
MARK LIN WEN-LONG**

*Trưởng Đại học Thể thao Quốc gia
Đài Loan*

**PHAN DANH NA
MARK LIN WEN-LONG**

National Taiwan University of Sport

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngành công nghiệp thể thao là một thị trường các doanh nghiệp và tổ chức tham gia vào việc sản xuất, tạo điều kiện, quảng bá, tổ chức hoạt động trải nghiệm, tổ chức sự kiện hoặc kinh doanh tập trung vào thể thao. Đây là thị trường mà các doanh nghiệp hoặc sản phẩm được cung cấp cho người tiêu dùng liên quan đến thể thao, hàng hóa, dịch vụ, con người, địa điểm hoặc một ý tưởng.

Theo báo cáo của Plunkett (2019), ngành công nghiệp thể thao đang phát triển nhanh chóng so với các ngành công nghiệp khác. Với quy mô hơn 1,5 nghìn tỷ đô la trên toàn thế giới; So với các ngành công nghiệp khác, ngành công nghiệp thể thao lớn hơn ngành ô tô, dầu mỏ, gỗ, vận tải hàng không, dịch vụ giáo dục, điện thoại của nền kinh tế Hoa Kỳ (Comte & Stogel, 1990). Ngành công nghiệp thể thao không chỉ mở rộng phạm vi của các công việc truyền thống mà còn tạo ra vô số cơ hội việc làm liên quan đến thể thao, Câu lạc bộ thể thao, giải trí và hoạt động thể chất.

Tiềm năng nền công nghiệp thể thao kinh tế thể thao hiện nay là rất lớn, ngành công nghiệp này không chỉ đòi hỏi kỹ năng quản lý mà còn đòi hỏi

các kỹ năng về tiếp thị, truyền thông, kế toán, tài chính, kinh tế và pháp lý. Những kỹ năng này đều áp dụng được cho môi trường thể thao và đặc biệt đối với các lĩnh vực ngày càng phức tạp và đa dạng của ngành. Do đó, rất cần nguồn nhân lực từ lĩnh vực quản lý thể thao để đáp ứng nhu cầu quản lý này (Parkhouse, 1996).

Năm 1966, Đại học Ohio đã tiên phong trong việc xây dựng chương trình quản trị thể thao đầu tiên tại Hoa Kỳ. Trước đây, việc đào tạo chuyên môn về giáo dục thể chất chủ yếu tập trung vào việc đào tạo huấn luyện viên và giảng viên giáo dục thể chất. Trong những thập kỷ gần đây, lĩnh vực này đã mở rộng để bao gồm nhiều con đường sự nghiệp đa dạng, với quản lý thể thao nổi lên



là lĩnh vực nổi bật nhất. Việc quản lý hiệu quả các chương trình thể thao khác nhau đòi hỏi các nhà lãnh đạo thể thao phải sở hữu các kỹ năng quản lý đa dạng. Do đó, quản lý thể thao đã trở thành một yếu tố không thể thiếu trong các chương trình đào tạo thể thao chuyên nghiệp trên toàn cầu, bao gồm Hoa Kỳ, Bỉ, Ai Cập, Phần Lan, Pháp, Đức, Hungary, Ý, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ, Vương quốc Anh, Úc, New Zealand, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Philippines, Singapore, Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan) và Canada (Judd & Thoma, 1998; Parkhouse, 1996).

Nghiên cứu này hướng đến việc đánh giá các chương trình quản lý thể thao bậc đại học trên thế giới và Việt Nam để cung cấp cơ sở lý thuyết tổng quan về sự phát triển của các chương trình đào tạo quản lý thể thao. Kết quả của nghiên cứu này sẽ hỗ trợ các nhà quản lý và quản trị thể thao trong việc nâng cao các chương trình hiện có, đóng góp vào sự phát triển của các chương trình quản lý thể thao. Bên cạnh đó còn cung cấp hướng dẫn tuyển sinh cho học sinh trung học có nguyện vọng học đại học về ngành Quản lý thể thao.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Sự hình thành và phát triển của chương trình Quản lý thể thao

Năm 1986, Hiệp hội quốc tế về thể thao và giáo dục thể chất

BẢNG 1: CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ THỂ THAO TIÊU CHUẨN

LĨNH VỰC	CHƯƠNG TRÌNH NASPE –NASSM	CHƯƠNG TRÌNH COSMA- CPC
1	Hành vi người tiêu dùng trong thể thao	Xã hội, Tâm lý
2	Kỹ năng quản lý và tổ chức trong Thể thao	Nguyên lý cơ bản trong quản lý thể thao
3	Đạo đức trong quản lý thể thao	Lãnh đạo trong thể thao
4	Tiếp thị thể thao	Quản lý điều hành hoạt động thể thao
5	Truyền thông thể thao	Quản trị thể thao
6	Tài chính thể thao	Đạo đức trong quản lý thể thao
7	Kinh tế thể thao	Tiếp thị và truyền thông thể thao
8	Khía cạnh pháp lý trong thể thao	Tài chính thể thao
9	Quản trị thể thao	Kế toán
10	Thực tập thực tế	Kinh tế thể thao
11		Khía cạnh pháp lý trong thể thao
12		Thực tập thực tế

BẢNG 2: BẢNG XẾP HẠNG 10 BANG CÓ CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ THỂ THAO TẠI MỸ

XẾP HẠNG	BANG	CHƯƠNG TRÌNH	TRƯỜNG	CỬ NHÂN	THẠC SĨ	TIẾN SĨ
1	Pennsylvania State	43	31	31	10	2
2	Florida State	40	24	24	13	3
3	Ohio State	38	26	26	11	1
4	N.Carolina State	34	28	28	6	0
5	Texas State	34	19	19	12	3
6	New York State	31	23	23	8	0
7	Illinois State	29	22	22	5	2
8	Tennessee State	23	15	15	7	1
9	Massachusetts State	22	16	16	5	1
10	Missouri State	20	14	14	6	0

(NASPE) thành lập chuyên gian về quản lý thể thao để bắt đầu quá trình phát triển hướng dẫn chương trình học. Năm 1989, lực lượng chuyên gia mở rộng bao gồm một ủy ban gồm thành viên của NASPE và Hiệp hội Quản lý thể thao Bắc Mỹ (NASSM). Ủy ban chương trình Quản lý thể thao (SMPRC) được phát triển để “duyet” các chương trình sử dụng tiêu chuẩn NASPE-NASSM. Đến năm 1992,

NASPE-NASSM phát triển tiêu chuẩn chương trình học để đáp ứng nhu cầu hiện đại của ngành thể thao, do đó sinh viên học Quản lý thể thao có nền tảng kiến thức để hoạt động hiệu quả trong môi trường quản lý thể thao (NASPE -NASSM, 1993).

Năm 2008, SMPRC được thay thế bằng Ủy ban Quản lý thể thao Quốc tế (COSMA). COSMA là tổ chức được công nhận chuyên ngành có mục đích thúc đẩy và công nhận sự

xuất ngành Quản lý thể thao trên toàn thế giới tại các trường đại học và cao đẳng ở cấp cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ thông qua công nhận chuyên ngành. (COSMA, 2010). Theo đó, COSMA đã xác định 12 lĩnh vực cốt lõi trong chương trình Quản lý thể thao (Common Professional Component - CPC) mà sinh viên đại học “làm chủ kiến thức” và chương trình Quản lý thể thao được chuyên sâu hoá trong chương trình.

Theo công bố của NASPE và NASSM (2019), có 417 Trường Đại học tại Hoa Kỳ cung cấp 627 chương trình Quản lý thể thao, bao gồm 417 trường cung cấp bằng cử nhân là 48,8%. Trong số đó, có 179 trường đào tạo chương trình Thạc sĩ là 42,8% và 31 trường đại học đào tạo chương Quản lý thể thao với chương trình Tiến sĩ tương đương là 8,4% (NASPE-NASSM, 2019).

Quản lý thể thao đang ngày càng trở nên phổ biến trên khắp nước Mỹ, với 45 tiểu bang và một quận đã thiết lập các chương trình đào tạo bài bản. Tuy nhiên, vẫn còn một số nơi chưa bắt kịp xu hướng này. Alaska, Hawaii, Nevada và Bắc Dakota là bốn tiểu bang duy nhất chưa có chương trình quản lý thể thao nào. Điều này có thể do nhiều yếu tố, chẳng hạn như vị trí địa lý, quy mô dân số, hoặc sự tập trung vào các ngành kinh tế khác. Ngược lại, một số bang lại thể hiện sự đầu tư mạnh mẽ vào lĩnh vực này. Pennsylvania dẫn đầu với 43 chương trình, tiếp theo là

BẢNG 3: CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ THỂ THAO TẠI VIỆT NAM

TT	TÊN TRƯỜNG
1	Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh
2	Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội
3	Trường Đại học Đại Nam
4	Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa
5	Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng
6	Trường Đại học Tôn Đức Thắng
7	Trường Đại học Thể dục thể Thao Thành phố Hồ Chí Minh
8	Trường Đại học Hoa Sen
9	Trường Đại học Trà Vinh
10	Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh

Florida (40), Ohio (38), và Bắc Carolina cùng Texas (đều 34 chương trình). Sự tập trung này cho thấy nhu cầu nhân lực trong ngành Quản lý thể thao tại các bang này rất lớn, đồng thời phản ánh sự phát triển mạnh mẽ của nền thể thao cũng như nhận thức về tầm quan trọng của việc quản lý chuyên nghiệp trong lĩnh vực này.

Mục đích chính của Chương trình Quản lý thể thao là đào tạo và chuẩn bị sinh viên cho các vị trí lãnh đạo và quản trị trong giáo dục, kinh doanh và tiếp thị của các tổ chức thể thao tại Hoa Kỳ. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc với các nhà quản lý và tư vấn có trình độ, bao gồm: (1) trường công lập và tư thục; (2) phòng tập thể dục, sân thể thao, trung tâm thể hình, trung tâm y tế và phục hồi chức năng và câu lạc bộ thể thao; (3) hiệp hội thể thao nghiệp dư và chuyên nghiệp; (4) công ty thể dục thể hình; (5) câu lạc bộ ngoài trời, khu nghỉ dưỡng giải trí; và công viên chủ đề; (6) công ty sản phẩm, thiết bị và cơ sở vật chất thể thao và giải trí; (7) công ty

thông tin truyền thông thể thao; tiếp thị và quan hệ công chúng, thu thập dữ liệu và tin tức; (8) đội thể thao chuyên nghiệp; (9) trại hè thể thao; (10) người đại diện thể thao; (11) quy hoạch công trình thể thao; (12) lập kế hoạch tài trợ thể thao và sự kiện thể thao; (13) tài trợ thể thao; (14) tập đoàn bảo hiểm thể thao và đầu tư thương mại; (15) phóng viên và nhà báo thể thao; (16) du lịch thể thao. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, ngành quản lý thể thao đang có nhu cầu cao về nguồn nhân lực tại Việt Nam. Chính vì thế để đáp ứng bài toán về nguồn nhân lực. Các trường Đại học ở Việt Nam đã và đang đào tạo nguồn nhân lực quản lý thể thao để đáp ứng như cầu của xã hội. Hiện tại Việt Nam đang có 10 trường Đại học đào tạo chuyên ngành Quản lý thể thao được trình bày tại Bảng 3.

2.2 Kinh nghiệm thực tế cho sinh viên ngành Quản lý thể thao

Theo Sutton (1989) và Parkhouse (1987), kinh nghiệm thực tế là điều cần thiết cho sinh



viên trong chương trình quản lý thể thao. Kinh nghiệm thực tế trong chương trình quản lý thể thao được gọi là thực tập thực tế bao gồm kinh nghiệm làm việc bán thời gian và toàn thời gian. Kinh nghiệm thực tế được cung cấp trong môi trường thực tế chuyên nghiệp cho phép sinh viên trải nghiệm các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của chuyên ngành tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sinh viên có cơ hội áp dụng từ lý thuyết học thuật đến thực tế và làm quen với môi trường và văn hoá doanh nghiệp.

2.3 Năng lực cần thiết của nhà quản lý thể thao

Năng lực là một khả năng cần thiết để thực hiện một nhiệm vụ hoặc hành động cụ thể. Butler (1978) chỉ ra rằng "năng lực là kiến thức, kỹ năng và / hoặc thái độ cần thiết để thực hiện một hoạt động một cách chính xác trong cuộc sống

chuyên nghiệp của một người". Bảy năng lực đã được xác định là rất quan trọng cho tất cả các nhà quản lý thể thao, đó là (1) kỹ năng cơ bản; (2) kỹ năng giao tiếp (3) kỹ năng tiếp thị, thương mại và bán hàng; (4) kỹ năng quản lý sự kiện chương trình; (5) kỹ năng quản lý nhân sự và giám sát; (6) kỹ năng quản lý cơ sở vật chất; và (7) kỹ năng quản lý tài chính.

Lin & Liu (1999) cũng nêu rõ các lĩnh vực thiết yếu cần thiết cho các nhà quản lý thể thao là (1) tiếp thị và quản trị kinh doanh; (2) quản lý câu lạc bộ thể thao; (3) lãnh đạo; (4) quản lý nhân sự và tổ chức; (5) quản trị thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao; (6) máy tính và ngoại ngữ; (7) kỹ năng hành chính; (8) truyền thông thể thao; (9) lập kế hoạch và quản lý cơ sở vật chất; (10) quản lý thời gian; (11) quản lý tài chính; và (12) nghiên cứu khoa học.

3. KẾT LUẬN

Chương trình Quản lý thể thao đóng vai trò quan trọng trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu ngành công nghiệp thể thao. Mục tiêu là chuẩn bị sinh viên đảm nhận các vị trí lãnh đạo trong các lĩnh vực như giáo dục, kinh doanh và tiếp thị thể thao. Chương trình cần dựa trên 7 định hướng chính (xã hội, cá nhân, công nghệ, thực tiễn, thể thao, kinh doanh, học thuật) và tích hợp các kiến thức liên quan đến Thể thao 4.0, bao gồm phân tích dữ liệu, ứng dụng công nghệ và mô hình kinh doanh mới. Đồng thời, tăng cường hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp thể thao nhằm nâng cao kỹ năng thực hành cho sinh viên. Đây là nền tảng phát triển bền vững cho ngành thể thao trong tương lai. ■

(Ngày tòa soạn nhận bài: 05/09/2024, ngày phân biện đánh giá: 15/09/2024, ngày chấp nhận đăng: 08/10/2024).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Case, R. (2017). Sport Entrepreneurship and Future Directions for Sport Management Programs, *Vahperd Journal*, 38(2), 16-18.
2. COSMA (2019), *Accreditation principle*, Retrieved, <https://www.cosmaweb.org/>
3. NASPE-NASSM (1991), *Sport management program list* Reston, VA:author.
4. Plunkett Reports (2019), *Sports and Recreation Business Statistics Analysis, Business and Industry Statistics*, Retrieved December 1, 2019. <https://www.plunkettresearch.com/statistics/sports-industry/>
5. Zaharia, Pierce and Perce (2016), U.S. Sport Management Programs in Business Schools: Trends and Key Issues, *Sport management education journal*, 10.13-18.